

Bản án số: 28/2020/DS-ST

Ngày: 04 - 9 - 2020.

V/v tranh chấp Ly hôn, con chung.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Châu Văn Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Phi Hùng
2. Ông Lê Văn Phước

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Minh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Ông Trần Hữu Thọ-Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 173/2020/TLST- HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2020 về tranh chấp ly hôn, nuôi con chung, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 107/2020/QĐXX-ST ngày 31 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Minh Tr, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Số 939/1 ấp Long Khánh A, xã LH, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Anh Ngô Xuân T, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Số 21, tổ 01, ấp Tân Nghĩa, xã T Nh Đ, huyện Ch Th, tỉnh Đồng Tháp.

(Chị Tr có mặt, anh T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Minh Tr trình bày:

Năm 2006 chị Tr và anh T do quen biết rồi tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn và được UBND xã Tân Nhuận Đ, huyện Châu Thành,

tỉnh Đồng Tháp cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 13/11/2012.

Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, đến khoảng đầu năm 2019 thì chị Tr và anh T phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống về mọi mặt nên vợ chồng thường xuyên cự cãi, tình cảm phai nhạt. Chị Tr và anh T đã nhiều lần cho nhau cơ hội, mong vợ chồng hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả nên chị Tr và anh T đã sống ly thân từ đầu năm 2019 cho đến nay.

Nay chị Nguyễn Thị Minh Tr cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Tr yêu cầu ly hôn với anh Ngô Xuân T.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Trong quá trình chung sống, vợ chồng có 01 con chung tên Ngô Nguyễn Bảo Tr, sinh ngày 04/8/2007 (hiện cháu Trân đang sống với chị Tr). Khi ly hôn chị Tr yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Bảo Tr và không yêu cầu anh Ngô Xuân T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị Tr trình bày là không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Ngô Xuân T trình bày:

Anh T thống nhất với lời trình bày của chị Tr về quá trình quen biết, kết hôn, vợ chồng có đăng ký kết hôn và được UBND xã Tân Nhuận Đ, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 13/11/2012.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến khoảng đầu năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng anh T bất đồng về quan điểm sống, anh T thừa nhận vì tính chất công việc ảnh hưởng làm cho vợ chồng thường hay cãi nhau. Chị Tr đã nhiều lần bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống. Đến đầu năm 2019 thì vợ chồng đã sống ly thân cho đến nay.

Nay anh Ngô Xuân T cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh T cũng đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Thị Minh Tr.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Vợ chồng có 01 con chung tên Ngô Nguyễn Bảo Tr, sinh ngày 04/8/2007 (hiện cháu Trân đang sống với chị Tr). Khi ly hôn anh T yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Bảo Tr. Anh T không yêu cầu chị Tr cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh T trình bày không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu quan điểm về tuân thủ pháp luật tố tụng và nội dung giải quyết vụ án (có bài phát biểu kèm theo):

- Về tuân thủ pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự.

- Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Minh Tr, cho chị Tr được ly hôn với anh Ngô Xuân T.

+ Về con chung: Giao con chung tên Ngô Nguyễn Bảo Tr, sinh ngày 04/8/2007 cho chị Nguyễn Thị Minh Tr trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn, chị Tr không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận nên không xem xét.

+ Về nợ chung: Các đương sự trình bày không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Anh Ngô Xuân T dù được Tòa án triệu tập hợp lệ lần 2 nhưng anh T vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự vẫn tiến hành xét xử theo luật định.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Xét chị Tr và anh T trên cơ sở tìm hiểu, được gia đình hai bên chấp thuận nên tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn và được ủy ban nhân dân xã Tân Nhuận Đ cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 13/11/2012 nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Qua lời khai của các đương sự thống nhất trình bày: Thời gian đầu thì anh T và chị Tr chung sống hạnh phúc, đến khoảng đầu năm 2019 thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống dẫn đến mất hạnh phúc gia đình. Vì vậy vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2019 cho đến nay.

Vì tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không hạnh phúc nên khi chị Tr yêu cầu ly hôn thì anh T cũng đồng ý.

Dù được Tòa án triệu tập nhiều lần để tạo cơ hội cho anh T hàn gắn tình cảm với chị Tr nhưng anh T không đến.

Qua đó Hội đồng xét xử xét thấy, đời sống vợ chồng giữa chị Tr và anh T không được hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên đủ điều kiện để cho ly hôn. Do đó, việc chị Nguyễn Thị Minh Tr yêu cầu được ly hôn với anh Ngô Xuân T là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Các đương sự xác định, trong thời kỳ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Minh Tr và anh Ngô Xuân T có 01 con chung tên Ngô Nguyễn Bảo Tr, sinh ngày 04/8/2007 (hiện cháu Trân đang sống với chị Tr. Khi ly hôn chị Tr yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, Hội đồng xét thấy như sau:

Từ khi chị Tr và anh T sống ly thân thì cháu Trân được chị Tr chăm sóc cho đến nay, đồng thời theo văn bản ý kiến và tại phiên tòa cháu Trân trình bày: “Khi cha mẹ ly hôn con có nguyện vọng sống chung với mẹ vì mẹ yêu thương, chăm sóc con tốt hơn so với cha con”.

Trong biên bản lấy lời khai ngày 01 tháng 6 năm 2020 anh T yêu cầu dành quyền nuôi con chung sau khi ly hôn và không yêu cầu chị Tr cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên xét thực tế, từ khi ly thân thì chị Tr là người trực tiếp chăm sóc cháu Trân cho đến thời điểm hiện tại, cuộc sống của cháu Trân đã ổn định nên việc chị Tr yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con là có cơ sở và phù hợp với nguyện vọng của cháu Ngô Nguyễn Bảo Tr nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Về tài sản chung: Do các đương sự tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Các đương sự trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị Tr phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 91, 92, 147, 235, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 55, 81, 82, 83; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Minh Tr được ly hôn với anh Ngô Xuân T.

2. Về con chung: Giao con chung tên Ngô Nguyễn Bảo Tr, sinh ngày 04/8/2007 cho chị Nguyễn Thị Minh Tr trực tiếp nuôi sau khi ly hôn, chị Tr không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Chị Tr và các thành viên trong gia đình chị Tr không được cản trở anh T đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung.

3. Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: Đương sự trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Minh Tr phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo các biên lai thu số 0007630 ngày 26/5/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại khoản 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án Tỉnh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- CCTHADS huyện Châu Thành;
- UBND xã Tân Nhuận Đ
(số 186 ngày 13/11/2012).
- Lưu: Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Châu Văn Bình

